TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T, TP.HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số:28*/2017/HNGĐ-ST* Ngày: 30 - 6 - 2017 V/v tranh chấp: Xin ly hôn.	*Thanh oai, ngày 30 tháng 06 năm 2017s*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TP. HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Khải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà :Nguyễn Thị Nguyệt

2. Ông : Mai Đức Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Phạm Anh Bích- Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T : *Không tham gia phiên toà:*

Ngày 30 tháng 6 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T

xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:74 /*2017/*TLST- HN&GĐ ngày 5 tháng 5 năm 2017 về tranh chấp: Xin ly hôn

theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2017 /QĐXX-ST ngày 24 tháng 5 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1988; Địa chỉ nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn: Anh Lê Bá L, sinh năm 1983; Địa chỉ nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện T, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Chị Phạm Thị H trình bầy: Chị kết hôn với Anh Lê Bá L ngày 10/7/2009 tại UBND xã T, huyện T,

Thành phố Hà Nội do hai bên hoàn toàn tự nguyện, sau ngày cưới chị về chung sống với anh ngay và ở tại nhà của bố mẹ anh L, sau thời gian ngắn thì vợ chồng đi thuê nhà trọ ở Gia Lâm, Hà Nội, chị đi làm kế toán, còn chồng đi làm nhân viên các quán Kara oke, trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn lý do anh chơi lô đề cờ bạc và cá độ bóng đá và còn đi quan hệ trai gái, chị khuyên bảo nhưng không được, chị về nhà chồng sinh sống và sinh con còn anh vẫn ở Gia Lâm, sau khi con được 10 tháng tuổi thì mẹ con chị cùng mẹ chồng tiếp tục chuyển đến Gia Lâm sống cùng anh L, trong thời gian này anh tiếp tục chơi cờ bạc và luôn đòi hỏi tiền của chị, vợ chồng tiếp tục mâu thuẫn, chị mang con về Thái Bình sinh sống, sau 6 tháng thì anh về xin lỗi thì vợ chồng lại chung sống với nhau, chị ở nhà tại quê anh L còn anh thì đi làm ở Hưng Yên, nhưng anh vẫn chơi cờ bạc, chị có khuyên bảo nhưng anh không nghe mà đến đêm còn đánh đuổi chị và ném hết quần áo của chị ra sân, chị phải bỏ đi ngay trong đêm suốt từ tháng 6/2014 cho đến nay giữa chị và anh L không còn quan hệ gì với nhau nữa nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng đã hết nên đề nghị được ly hôn.

Về con chung; Có hai con.

1. Lê Thị Hà M, sinh ngày 13/02/2010.
2. Lê Bá Duy A, sinh ngày 11/3/2012. Hiện cả hai cháu đang ở với anh L khi ly hôn chị đề nghị được nuôi cháu Hà M, anh nuôi cháu Duy A. Không bên nào phải trợ cấp nuôi con.

Về tài sản chung; Công sức; Công nợ : Không có và không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bị đơn Anh Lê Bá L. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án tiến hành triệu tập anh L đến trụ sở để giải quyết nhưng anh không chấp hành Tòa án phải kết hợp với chính quyền địa phương đến tận nhà anh L để giao thông báo thụ lý vụ án, bản tự khai của nguyên đơn, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh L đều không nhận và từ chối ký biên bản.

Tại phiên tòa chị H có mặt và vẫn khai như nội dung trên, anh L vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị H và anh L có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện như vậy việc kết hôn là phù hợp với Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, nay chị H yêu cầu giải quyết ly hôn là phù hợp với Điều 51 luật Hôn nhân và gia đình.

Về sự vắng mặt của anh L: Trong quá trình giải quyết vụ án anh L khước từ, không khai báo khước từ thủ tục hòa giải cố tình trốn tránh gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án, phiên tòa ngày 15/6/2017 anh L vắng mặt không có lý do Tòa án đã quyết định hoãn phiên tòa và ấn định phiên tòa lần thứ hai vào ngày 30/6/2017. Tại phiên tòa anh L vẫn vắng mặt không có lý do mặc dù tòa án đã thực hiện tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh L là đúng theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về việc yêu cầu xin ly hôn của chị H: Giữa chị H với anh L chỉ tồn tại quan hệ hôn nhân một thời gian ngắn, trong cuộc sống luôn xảy ra mâu thuẫn , không có tình yêu thương vợ chồng, chị H đã bỏ anh L về nhà mẹ đẻ sinh sống từ năm 2014 cho đến nay không còn quan hệ gì với nhau nữa, Tòa xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh L và chị H lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần giải quyết cho chị H được ly hôn anh L nhằm giải phóng cho cả hai người.

Về con chung; Có hai con:

1. Lê Thị Hà M, sinh ngày 13/02/2010.
2. Lê Bá Duy A, sinh ngày 11/3/2012. Hiện cả hai cháu đang ở với anh L khi ly hôn chị đề nghị được nuôi cháu Hà M, anh nuôi cháu Duy A. Không bên nào phải trợ cấp nuôi con. Xét nguyện vọng của chị là chính đáng, nguyện vọng của cháu Hà M cũng đề nghị được ở với mẹ, xét cần chấp nhận.

Tài sản chung; Công sức; Công nợ : Không có và không yêu cầu Tòa giải quyết. Nên Tòa không xét.

Về án phí nguyên đơn phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51; 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015.

Xử: Cho Chị Phạm Thị H được ly hôn Anh Lê Bá L.

Về con chung: Giao cho chị H được nuôi dưỡng cháu Lê Thị Hà M, sinh ngày 13/02/2010. Giao cho anh L nuôi dưỡng cháu Lê Bá Duy A, sinh ngày 11/3/2012.

Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Chị H, anh L có quyền đi lại thăm hỏi con chung không ai được ngăn cản.

Về án phí: Chị Phạm Thị H phải nộp 300.000đ(ba trăn nghìn đồng chẵn) án phí sơ thẩm xin ly hôn, được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0001800 ngày 05/5/2017 của chi cục Thi hành án huyện T.

Án xử công khai sơ thẩm. Chị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án. Anh L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã T, huyện T, TP. Hà Nội.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)s

Phạm Văn Khải

Nơi nhận:
-Toàn án nhân dân TP,Hà Nội;
-Các đương sự;
-VKS nhân dân huyện T;
-UBND nơi đăng ký kết hôn
-Lưu:Hồ sơ vụ án.